

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 5421 : 1991

ST SEV 4768 : 1984

**HỆ THỐNG TÀI LIỆU THIẾT KẾ -
DANH MỤC TÀI LIỆU THIẾT KẾ**

System of design documentation -

Nomenclature of design documents

HÀ NỘI - 2009

Lời nói đầu

TCVN 5421 : 1991 thay thế phần I/TCVN 3819 : 1983 và phù hợp với ST SEV 4768 : 1984.

TCVN 5421 : 1991 do Viện nghiên cứu máy, Bộ Công nghiệp nặng biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật nhà nước (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) ban hành.

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Hệ thống tài liệu thiết kế -

Danh mục tài liệu thiết kế

System of design documentation -

Nomenclature of design documents

- 1 Tiêu chuẩn này quy định danh mục tài liệu thiết kế cho các sản phẩm của tất cả các ngành sản xuất công nghiệp.
- 2 Tài liệu thiết kế bao gồm các bản vẽ và tài liệu bằng chữ, tùy theo chức năng riêng hoặc khi kết hợp với những tài liệu khác, chúng xác định thành phần và kết cấu sản phẩm và bao gồm những số liệu cần thiết để nghiên cứu, chế tạo, kiểm tra, nghiệm thu, chuyển giao sử dụng và sửa chữa sản phẩm.
- 3 Danh mục và nội dung tài liệu thiết kế được nêu trong bảng dưới đây.

Tên gọi tài liệu	Giải thích tên gọi tài liệu
1. Bản vẽ chi tiết	Tài liệu bao gồm hình biểu diễn của chi tiết và những số liệu khác cần thiết để chế tạo và kiểm tra chi tiết.
2. Bản vẽ lắp	Tài liệu bao gồm hình biểu diễn các đơn vị lắp và những số liệu khác, cần thiết để lắp và kiểm tra sản phẩm.
3. Bản vẽ choán chỗ	Tài liệu bao gồm hình biểu diễn bao sản phẩm, có ghi các kích thước bao, kích thước định vị và kích thước nổi.
4. Bản vẽ lắp đặt	Tài liệu bao gồm hình biểu diễn bao và những số liệu cần thiết để lắp đặt sản phẩm ở chỗ làm việc.
5. Bản vẽ nguyên lý	Tài liệu xác định dạng hình học (dạng biên) của sản phẩm và các tọa độ bố trí các bộ phận hợp thành sản phẩm.
6. Bản vẽ bao gói	Tài liệu bao gồm những số liệu cần thiết để thực hiện việc bao gói

Tên gọi tài liệu	Giải thích tên gọi tài liệu
	sản phẩm.
7. Bản vẽ phôi (bản vẽ phôi đúc, bản vẽ phôi rèn, bản vẽ nguyên công...v..v)	Tài liệu bao gồm hình biểu diễn phôi và những số liệu khác để chế tạo và kiểm tra phôi, cũng như những số liệu về chi tiết đã gia công hoàn chỉnh.
8. Bản vẽ móng	Tài liệu bao gồm những số liệu cần thiết để chế tạo móng và lắp đặt sản phẩm lên móng.
9. Bản vẽ vận chuyển	Tài liệu bao gồm những số liệu về bố trí, kẹp chặt và những số liệu cần thiết khác để vận chuyển sản phẩm.
10. Sơ đồ	Tài liệu bao gồm hình biểu diễn các bộ phận hợp thành của sản phẩm và sự liên kết giữa chúng với nhau dưới dạng hình biểu diễn quy ước – sơ đồ, và (hoặc) hình biểu diễn đơn giản mà không cần tuân theo tỷ lệ.
11. Bảng kê	Tài liệu bao gồm các thành phần của sản phẩm được liệt kê (đơn vị lắp, bộ, tổ hợp).
12. Danh mục bảng kê	Tài liệu được lập trên cơ sở chọn lọc thông tin từ các tài liệu thiết kế khác (bản vẽ, bảng kê, sơ đồ...).
13. Điều kiện kỹ thuật	Tài liệu bao gồm các yêu cầu (tập hợp chỉ tiêu, mức, quy tắc, quy định) cho việc chế tạo, kiểm tra nghiệm thu và chuyển giao sản phẩm.
14. Bản tính toán	Tài liệu bao gồm những tính toán về các thông số, đại lượng. Ví dụ: tính chuỗi kích thước, tính độ bền....
15. Tài liệu sử dụng	Tài liệu bao gồm những số liệu để nghiên cứu sản phẩm và quy tắc sử dụng (vận hành, bảo dưỡng kỹ thuật, sửa chữa thường kỳ, vận chuyển và bảo quản).
16. Tài liệu sửa chữa	Tài liệu bao gồm những số liệu cần thiết để chuẩn bị và tiến hành sửa chữa và kiểm tra sản phẩm sau khi sửa chữa,
17. Phiếu trình độ kỹ thuật và chất lượng sản phẩm	Tài liệu ghi những chỉ tiêu xác định trình độ kỹ thuật, kinh tế - kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, phù hợp với những thành tựu khoa học kỹ thuật và nhu cầu của nền kinh tế quốc dân.

4 Tùy theo dạng sản phẩm, tài liệu thường được lập là:

Bản vẽ chi tiết - dùng cho chi tiết.

Bản vẽ lắp và bảng kê - dùng cho đơn vị lắp.

Bảng kê - dùng cho bộ và tổ hợp.

Tất cả những tài liệu còn lại được lập tùy thuộc tính chất, chức năng và điều kiện sản xuất của sản phẩm.

Trong những trường hợp riêng biệt, tùy theo đặc điểm và chức năng của sản phẩm có thể lập những tài liệu khác, không quy định trong tiêu chuẩn này.

Phụ lục

Bảng đối chiếu danh từ Việt - Nga danh mục tài liệu thiết kế

TT	Danh từ Việt	Danh từ tiếng Nga
1	Bản vẽ chi tiết	Чертёж детали !
2	Bản vẽ lắp	Сборочный чертёж !
3	Bản vẽ choán chỗ	Габаритный чертёж !
4	Bản vẽ lắp đặt	Монтажный чертёж !
5	Bản vẽ nguyên lý	Теоретический чертёж !
6	Bản vẽ bao gói	Упаковочный чертёж !
7	Bản vẽ phối	Чертёжи заготовки !
8	Bản vẽ móng	Чертёж фундамента !
9	Bản vẽ vận chuyển	Транспортный чертёж !
10	Sơ đồ	Схема !
11	Bảng kê	Спецификация !
12	Danh mục bảng kê	Ведомости !
13	Điều kiện kỹ thuật	Технические условия !
14	Bản tính toán	Расчёты !
15	Tài liệu sử dụng	Эксплуатационные документы
16	Tài liệu sửa chữa	Ремонтные документы !
17	Phiếu trình độ kỹ thuật và chất lượng sản phẩm	